

Bản án số 40/2017/HNGĐ-ST

Ngày 28.9.2017

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Chi

Ông Phạm Hồng Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngô Khánh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Võ Quang Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 280/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2017/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà S - Sinh năm 1995 - Nơi cư trú: phường H, quận L, thành phố Đ (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông T - Sinh năm 1995 - Nơi cư trú: phường H, quận L, thành phố Đ (Có mặt). (Vắng mặt, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện xin đơn phương ly hôn ngày 14 tháng 7 năm 2017, Bản tự khai ngày 21 tháng 7 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T tự nguyện kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Sau khi kết hôn, bà và ông T chung sống ở nhà của gia đình ông T tại tổ 100, phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Được một thời gian, bà có thai và chuyển về sống tại nhà mẹ ruột của bà tại 1033 Nguyễn Lương Bằng, phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng cho đến nay.

Trong quá trình chung sống, giữa bà và ông T đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ đầu năm 2017. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp về tính tình, quan điểm sống; ông T thường xuyên gây gổ, chửi bới, đánh đập vợ ngay tại nhà của mẹ vợ.

Nay, bà xác định không còn tình cảm với ông T, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, không hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn.

- Về con chung: Bà xác định bà và ông T có 01 con chung tên là Đinh Lê Bảo Trân - sinh ngày 27 tháng 4 năm 2016. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*).

Tại phiên tòa, bà S không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định bà và ông T không có tài sản chung, không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà.

* Trong Bản tự khai ngày 03 tháng 8 năm 2017 và tại Phiên họp kiểm tra việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 09 tháng 8 năm 2017, bị đơn - ông Đinh Hoàng Xuân T trình bày:

Thống nhất với trình bày của bà S về thời gian đăng ký kết hôn, điều kiện kết hôn và địa điểm đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, ông và bà S chung sống tại nhà của bố mẹ ông tại tổ 100, phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do mâu thuẫn về kinh tế trong việc trang trải cuộc sống gia đình. Từ đầu năm 2017 cho đến nay, ông và bà S đã sống ly thân. Nay, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông xác định ông và bà S có 01 con chung như bà S trình bày. Ông đồng ý giao con cho bà S nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp bà S không có khả năng, thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác định không có.

Sau Phiên họp kiểm tra việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 09 tháng 8 năm 2017, ông T đã không đến Tòa án để tham gia phiên hòa tiếp theo. Do vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa, ông T vắng mặt lần hai, không có lý do.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà S đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng bị đơn - ông T vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ được quy định tại các điều 70 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S đối với ông T, giao con chung cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng. Bà S không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không buộc ông T cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã triệu tập hợp lệ bị đơn là ông T, nhưng tại phiên tòa ông T vắng mặt lần hai, không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung: Bà S và ông T đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại UBND phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng (*Giấy đăng ký kết hôn số 126/2015 ngày 14 tháng 10 năm 2015*). Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Do vậy, hôn nhân giữa bà S và ông T là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà S đối với ông T, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ vào lời trình bày của bà S và lời xác nhận của ông T trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xác định: Trong quá trình chung sống, giữa bà S và ông T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là theo bà S trình bày là do vợ chồng không hợp về tính tình, quan điểm sống; ông T thường xuyên gây gổ, chửi bới, đánh đập vợ ngay tại nhà của mẹ vợ. Còn theo ông T là do mâu thuẫn về kinh tế. Cả bà S và ông T đều xác định vợ chồng không còn tình cảm. Do vậy, ông T đã đồng ý ly hôn với bà S. Việc ông T không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải tiếp theo đã thể hiện ông T đã thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn nên mặc bỏ việc Tòa án đang giải quyết vụ án.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà S và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của bà S đối với ông T, xử cho bà S được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà S và ông T có 01 con chung tên là Đinh Lê Bảo Trân - S ngày 27 tháng 4 năm 2016. Bà S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và ông T cũng đã thể hiện ý kiến đồng ý giao con cho bà S nuôi và không cấp dưỡng nuôi con. Nếu bà S không nuôi thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con.

Xét, bà S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Cháu Trân còn nhỏ, mới 17 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử cần giao cháu Trân cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con nhỏ, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Bà S không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà S và ông T không có tài sản chung, không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] □n phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà S phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn,

giám, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, các Điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà S đối với ông T về việc “Ly hôn”.

* Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Cho bà S được ly hôn với ông T.

* Về con chung:

Xử: Giao con chung Đinh Lê Bảo Trân - Sinh ngày 27 tháng 4 năm 2016 cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (*đủ 18 tuổi*). Ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung và nợ chung: Bà S và ông T không có tài sản chung, không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà S phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn ngàn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0007185 ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu. Bà S đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trở lại hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND. quận Liên Chiểu;
- UBND. phường Hòa Hiệp Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thủy